TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI** Bản án số:10/2021/HNGĐ - PT Ngày 30/11/2021 V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đài

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Khanh và ông Vũ Minh Quán

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2021/TLPT-HNGĐ ngày 29/10/2021 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 48/2021/HNGĐ-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị đơn kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐ-PT ngày 09/11/2021 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Nguyên đơn: Trần Lệ Ngọc N.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai

Bị đơn: Anh Trần Thế M.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã T, thành phố L, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai

Người kháng cáo: bị đơn, anh Trần Thế M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2021, các bản tự khai nguyên đơn chị Trần Lệ Ngọc N trình bày: Chị N và anh Trần Thế M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày

18/9/2018. Sau ngày kết hôn, vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đã có 01 con chung, đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị N và anh M tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong tạo dựng cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, thiếu sự tôn trọng nhau, mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến nay ai biết bổn phận người đó, không có trách nhiệm gì với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N có nguyện vọng xin ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị Trần Lệ Ngọc N và anh Trần Thế M đều xác nhận anh, chị có 01 con chung, cháu Trần Kim C, sinh ngày: 19/7/2019. Hiện nay cháu khỏe mạnh, đang ở cùng với anh chị. Khi ly hôn chị N có yêu cầu xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Bị đơn anh Trần Thế M nhất trí với yêu cầu được ly hôn với chị Trần Lệ Ngọc N; Nhưng đề nghị Tòa án cho anh được nuôi cháu Trần Kim C - Sinh ngày 19/7/2019. Lý do chị N khi sinh cháu được khoảng 01 tuổi hay bỏ đi không quan tâm đến cháu và thu nhập chị N không đảm bảo nuôi cháu.

Về tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán công nợ khác: Chị Trần Lệ Ngọc N và anh Trần Thế M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án số 48/2021/HNGĐ-ST ngày 28/9/2021 huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Lệ Ngọc N và anh Trần Thế M.

2.Về con chung: Xử giao cháu Trần Kim C - Sinh ngày: 19/7/2019 cho chị Trần Lệ Ngọc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trần Kim C trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Thế M không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung, tuyên quyền thăm nom con chung và án phí cho đương sự theo quy định.

Ngày 06/10/2021 anh Trần Thế M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần quyền nuôi con khi ly hôn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, giao cháu C cho anh được nuôi dưỡng. Kèm theo đơn, ngày 05/11/2021 nộp bản sao biên bản xác minh nơi ở không ổn định của chị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Trần Thế M giữ nguyên nội dung kháng cáo; Nguyên đơn chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Cháu Trần Kim C - Sinh ngày: 19/7/2019 là con chung giữa chị Trần Lệ Ngọc N và anh Trần Thế M, hiện nay cháu C dưới 36 tháng tuổi và chị Trần Lệ Ngọc N có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Thế M, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn gửi ngày 06/10/2021 có đầy đủ các nội dung, đúng hình thức theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và nộp trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Vụ án do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: Xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Tại bản tự khai ngày 13/9/2021 (Bút lục số 26), bị đơn anh Trần Thế M trình bày về việc anh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Q, xã T, thành phố L, huyện B, tỉnh Lào Cai nhưng do công việc làm ăn nên đã chuyển đến sinh sống và đăng ký tạm trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai, để thuận tiện cho cả hai bên trong việc giải quyết vụ án, anh nhất trí chọn Toà án nhân dân huyện B giải quyết vụ án. Như vậy Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật.

Về quyền tham gia phiên tòa; Nguyên đơn không kháng cáo, được Toà án triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt**,** theo khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về quyền nuôi con:

Anh Trần Thế M và Chị Trần Lệ Ngọc N đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân anh và chị có 01 con chung là cháu Trần Kim C, sinh ngày 19/7/2019. Khi ly hôn Tòa án sơ thẩm giao cháu C cho chị N nuôi dưỡng, anh M kháng cáo cho rằng chị N không đủ điều kiện nuôi con do chị N hay bỏ đi khỏi nơi cư trú và mức thu nhập không đảm bảo để nuôi cháu.

Xét thấy, đề nghị của anh Trần Thế M là chưa phù hợp, bởi quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đã yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện kinh tế và khả năng của các bên khi được giao nuôi dạy con chung theo quy định. Các tài liệu trong hồ sơ thể hiện, chị N có xác nhận của địa phương với mức thu nhập ổn định bình quân là 5.000.000/tháng, chị N đã chứng minh việc đảm bảo khi được nuôi con như về chỗ ở; Về cư trú ổn định cùng gia đình bố mẹ đẻ tại tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai và hiện cháu C dưới 36 tháng tuổi, nên bản án sơ thẩm áp dụng nguyên tắc giao con cho chị N nuôi dưỡng là đảm bảo cho sự phát triển bình thường ổn định về tâm sinh lý của trẻ theo quy định khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình là có căn cứ chấp nhận.

Phía bị đơn, anh Trần Thế M cho rằng có mức thu nhập bình quân hàng tháng là 10.000.000 đồng từ cửa hàng sửa xe máy. Tại phiên tòa anh M bổ sung biên bản xác minh ngày 27/10/2021 cũng của ông Đặng Xuân L là trưởng thôn T và chính quyền địa phương trong thời kỳ hôn nhân chị N hay bỏ đi và chị N không có nguồn thu nhập nuôi con. Song, qua đối chất, xét hỏi công khai tại phiên toà, anh không chứng minh được lý do trước đó cũng là ông Đặng Xuân L là trưởng thôn và chính quyền địa phương xác nhận mức thu nhập ổn định của chị N là 5.000.000đ /tháng. Việc khi cháu C còn nhỏ chị N hay bỏ đi, nhưng tại đơn xin xác nhận tạm trú ngày 27/9/2021 (Bút lục; 26, 46, 63) anh trình bày vợ chồng anh lấy nhau, không đi đâu xa khỏi địa phương anh còn có nguyện vọng xin đoàn tụ vì cháu C còn nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc chung của mẹ; Như vậy việc chị N có lúc vắng nhà là do nhu cầu công việc và có sự đồng ý của anh chứ không phải bỏ đi khỏi nơi cư trú và chị N tự bỏ mặc không nuôi dưỡng chăm sóc con như anh đề nghị nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định và phân tích trên: Bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm về quyền nuôi con như Quyết định bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí phúc thẩm dân sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là bị đơn anh Trần Thế M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48/2021/HNGĐ-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về phần nuôi con khi ly hôn như sau: Giao cháu Trần Kim C, sinh ngày 19/7/2019 cho chị Trần Lệ Ngọc N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu C đủ 18 tuổi, anh Trần Thế M không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Anh M có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Trần Thế M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình. Xác nhận anh M đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AC-21P, số 0002682 ngày 06/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Xác nhận anh M đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Đài